

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26-5-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hòa

2. Bà Lê Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Thanh S, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trương Quang T, là Luật sư Văn phòng Luật sư Q, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Số 135 N, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn L, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2021, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 20/10/2021, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh S trình bày:

Bà và ông Lê Văn L có tìm hiểu và sống chung từ năm 2003, đến năm 2004 bà và ông L kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi ngày 30/8/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc tại nhà ông L. Đến năm 2010, giữa vợ chồng bà thường hay va chạm lời qua tiếng lại với nhau, ai cũng muốn phân thắng về mình, vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung, bà không còn tình cảm vợ chồng với ông L nên vợ chồng không thể chung sống với nhau được. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Văn L.

Về con chung: Bà và ông L có 02 con chung là Lê Diễm Q, sinh ngày 13/12/2005 và Lê Quang T, sinh ngày 16/8/2008. Hiện nay các con đang chung sống với bà và ông L. Ngoài ra, ông L còn có 02 người con riêng là Lê Quang Đạo và Lê Quang Tịnh cùng sinh ngày 10/10/1995, hiện đang sống với ông L. Khi ly hôn, bà yêu cầu giao 02 con chung Lê Diễm Q và Lê Quang T cho bà trực tiếp nuôi, yêu cầu ông L cấp dưỡng cho con, mỗi con mỗi tháng 2.000.000đồng. Đối với các con riêng của ông L hiện nay đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh, có quyền quyết định cuộc sống của mình nên bà không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà S yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về nuôi con sao cho phù hợp với nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung: Bà và ông L có các tài sản chung gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 280, tờ bản đồ số 11, diện tích 259m² (trong đó có: 200m² đất ở và 59m² đất trồng cây hàng năm khác) tại xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi. Theo đo đạc thực tế hiện nay thì thửa đất số 280 nêu trên có diện tích là 260m²; nhà ở (01 căn nhà cấp III có diện tích 91,3m², 01 căn nhà cấp IV có diện tích 40,5m², 01 căn nhà cấp IV có diện tích 33,5m²) và các công trình xây dựng khác gắn liền với thửa đất số 280, tờ bản đồ số 11, tại phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; số tiền gửi tiết kiệm gửi tại Ngân hàng N – Chi nhánh thị xã Đ là 60.000.000đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Vision, biển kiểm soát 76H1-365.62 đứng tên Ngô Thanh L1 (vợ chồng bà mua nhưng chưa sang tên); 01 dàn máy karaoke; 04 bộ ghế mây; 04 bộ ghế gỗ; 01 bộ ghế đá nhỏ; 02 bộ ghế salon; 02 bàn khung sắt, mặt kính; 03 tivi hiệu LG 42in; 10 cái quạt; 04 cái nệm; 02 máy điều hòa; 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 76H1-032.42; 01 bộ ghế đá lớn; 01 bàn inox 06 ghế; 02 cái giường nằm; 01 máy giặt hiệu LG; 01 tủ lạnh hiệu LG; 01 xe máy đứng tên Lê Văn L. Khi ly hôn bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Giao cho bà được nhận: 01 căn nhà cấp 4 được xây dựng trên diện tích 129,5m² tại thửa đất số 280, tờ bản đồ số 11, phường P, thị xã Đ; 01 xe honda hiệu Vision biển kiểm soát 76H1 – 365-62; dàn máy Karaoke; 04 bộ ghế mây; 04 bộ ghế gỗ; bộ ghế đá nhỏ; 02 bộ ghế Salon; 02 bàn khung sắt, mặt kính; 02 tivi hiệu

LG 42in; 05 cái quạt; 02 cái nệm; 02 máy điều hòa; 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 76H1-032.42 và số tiền tiết kiệm 30.000.000đồng.

- Giao cho ông Lê Văn L được nhận: 01 ngôi nhà cấp 3 được xây dựng trên diện tích đất 129,5m² tại thửa đất số 280, tờ bản đồ số 11 phường P, thị xã Đ; 01 bộ ghế đá lớn; 01 bàn inox 06 ghế; 01 tivi hiệu LG 42in; 05 cái quạt; 02 cái giường nằm; 02 cái nệm; 01 máy giặt hiệu LG; 01 tủ lạnh hiệu LG; xe máy đứng tên Lê Văn L và tiền tiết kiệm 30.000.000đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà S rút yêu cầu về chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lê Văn L nhưng ông L không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thanh S.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Thanh S được ly hôn ông Lê Văn L.

Về con chung: Giao con chung Lê Diễm Q, sinh ngày 13/12/2005 cho bà Ngô Thị Thanh S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung Lê Quang T, sinh ngày 16/8/2008 cho ông Lê Văn L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà S và ông L không có ai yêu cầu về cấp dưỡng cho con nên không xem xét.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung.

Về nợ chung: Bà Ngô Thị Thanh S trình bày không có; ông Lê Văn L không có ý kiến trình bày về nợ chung của vợ chồng nên không xem xét.

Đương sự phải chịu chi phí tố tụng, án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Ngô Thị Thanh S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Văn L, yêu cầu giao con chung của bà và ông L cho bà trực tiếp nuôi và yêu cầu chia tài sản chung của bà và ông L khi ly hôn. Do đó, cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm bà Ngô Thị Thanh S khởi kiện thì bị đơn ông Lê Văn L có nơi cư trú tại tổ dân phố Du Quang, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh S có mặt; ông Trương Quang Tín, là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt nhưng nguyên đơn không yêu cầu hoãn phiên tòa và trình bày không yêu cầu ông Tín bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nữa; bị đơn ông Lê Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Năm 2001 vợ của ông Lê Văn L là bà Võ Thị Kiều O chết. Sau khi bà O chết, ông Lê Văn L và bà Ngô Thị Thanh S tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi ngày 30/8/2004. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà S là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị Thanh S, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã nhiều lần phân tích, động viên bà Ngô Thị Thanh S đoàn tụ với ông L, nhưng bà S cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bà và ông L đã ly thân, không còn chung sống với nhau, hiện nay bà không còn tình cảm vợ chồng với ông L nên cương quyết yêu cầu được ly hôn. Đối với ông Lê Văn L, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, ông L biết bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông nhưng không có ý kiến phản đối, không tham gia phiên hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm. Như vậy, có thể xác định ông Lê Văn L không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Từ những nhận định nêu trên, có cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng ông Lê Văn L và bà Ngô Thị Thanh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà S khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông L là có căn cứ theo quy định

tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh S trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Ông Lê Văn L và bà Ngô Thị Thanh S có 02 con chung là Lê Diễm Q, sinh ngày 13/12/2005 và Lê Quang T, sinh ngày 16/8/2008. Trong đơn khởi kiện, bà S yêu cầu Tòa án giao cả 02 con chung cho bà trực tiếp nuôi. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà S yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về nuôi con sao cho phù hợp với nguyện vọng của các con.

Xét yêu cầu về nuôi con của bà Ngô Thị Thanh S, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo trình bày của nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh S thì hiện nay cháu Lê Diễm Q và Lê Quang T đang sống với bà S và ông L. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Quỳnh trình bày có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu Thiện trình bày có nguyện vọng được sống với cha. Do đó, để đáp ứng theo nguyện vọng của các con chung của bà S và ông L, cũng như để tạo điều kiện cho các con chung của bà S và ông L được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt nhất, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung Lê Diễm Q cho bà S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung Lê Quang T cho ông L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[6] Về cấp dưỡng cho con: Ông Lê Văn L và bà Ngô Thị Thanh S không có yêu cầu về cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về yêu cầu chia tài sản chung: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh S rút toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung. Việc nguyên đơn rút là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; bị đơn ông Lê Văn L cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với các tài sản nêu trên. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của bà S. đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đối với phần yêu cầu về chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

[8] Về nợ chung: Bà Ngô Thị Thanh S trình bày không có, ông Lê Văn L không có ý kiến trình bày về nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về chi phí tố tụng:

Tổng chi phí tố tụng là 14.700.000đồng, gồm: Chi phí thẩm định giá 9.000.000đồng; chi phí đo đạc 4.500.000đồng và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.200.000đồng. Bà Ngô Thị Thanh S phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng nêu trên. Bà S đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

[10] Về án phí:

Bà Ngô Thị Thanh S phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và không phải chịu án phí về chia tài sản chung. Số tiền 5.877.000đồng tạm ứng án phí mà bà S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000828 ngày 12/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí bà S phải chịu. Hoàn trả lại cho bà Ngô Thị Thanh S 5.577.000đồng.

[11] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các điều 144, 147, 157, 158, 165, 166, 235, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thanh S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Thanh S được ly hôn ông Lê Văn L.

2. Về con chung: Bà Ngô Thị Thanh S và ông Lê Văn L có 02 con chung là Lê Diễm Q, sinh ngày 13/12/2005 và Lê Quang T, sinh ngày 16/8/2008. Giao con chung Lê Diễm Q cho bà Ngô Thị Thanh S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung Lê Quang T cho ông Lê Văn L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về cấp dưỡng cho con: Bà S và ông L không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về chia tài sản chung khi ly hôn: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về chia tài sản chung của bà Ngô Thị Thanh S.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đối với phần yêu cầu về chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

5. Về nợ chung: Bà Ngô Thị Thanh S trình bày không có; ông Lê Văn L không có ý kiến trình bày về nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về chi phí tố tụng: Bà Ngô Thị Thanh S phải chịu 14.700.000đồng (mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) chi phí tố tụng. Bà S đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

7. Về án phí: Bà Ngô Thị Thanh S phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 5.877.000đồng tạm ứng án phí mà bà S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000828 ngày 12/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí bà S phải chịu. Hoàn trả lại cho bà Ngô Thị Thanh S 5.577.000đồng.

8. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh S có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Lê Văn L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

9. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND phường P;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong